

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

\*\*\*

Số: 33 /2023 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh  
riêng công ty mẹ Quý I năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán  
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 chi tiết như sau:

**I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh**

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý I.2023	Quý I.2022	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	954,465,735,962	1,574,369,166,134	(619,903,430,172)	(39.37)
11	Giá vốn hàng bán	720,235,163,637	1,113,672,027,817	(393,436,864,180)	(35.33)
20	Lợi nhuận gộp	234,230,572,325	460,697,138,317	(226,466,565,992)	(49.16)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	18,357,470,271	26,888,583,374	(8,531,113,103)	(31.73)
22	Chi phí tài chính	14,972,857,905	11,621,699,021	3,351,158,884	28.84
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	10,059,002,266	7,105,763,064	2,953,239,202	41.56
25	Chi phí bán hàng	22,970,416,961	46,239,641,842	(23,269,224,881)	(50.32)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,034,317,629	8,532,387,056	501,930,573	5.88
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	205,816,693,786	421,191,865,628	(215,375,171,842)	(51.13)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33,449,765,959	68,731,223,299	(35,281,457,340)	(51.33)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	172,366,927,827	352,460,642,329	(180,093,714,502)	(51.10)



## II. Nguyên nhân biến động

Quý I.2023, lạm phát tiếp tục gia tăng, làm giảm chi tiêu của các hộ gia đình và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, lãi suất vay vẫn ở mức cao, chi phí nguyên vật liệu tăng nên lĩnh vực bất động sản và xây dựng bị ảnh hưởng. Do chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố trên, kết quả kinh doanh của Vicostone Quý I.2023 sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Biến động cụ thể của các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 619,903,430,172 đồng (39.37%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 393,436,864,180 đồng (35.33%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 226,466,565,992 đồng (49.16%). Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần giảm từ 29.26% (Quý I.2022) xuống 24.54% (Quý I.2023)

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 8,531,113,103 đồng (31.73%), nguyên nhân:

- Lãi chênh lệch tỷ giá giảm: 9,948,725,966 đồng.

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng: 1,417,612,863 đồng.

4. Chi phí tài chính tăng: 3,351,158,884 đồng (28.84%) do:

- Chi phí lãi vay tăng: 2,953,239,202 đồng.

- Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng: 397,919,682 đồng.

5. Chi phí bán hàng giảm: 23,269,224,881 đồng (50.32%), nguyên nhân chính:

- Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ giảm: 227,498,911 đồng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm: 22,776,633,032 đồng.

- Chi phí bằng tiền khác giảm: 890,268,007 đồng.

- Chi phí nhân viên bán hàng tăng: 607,642,370 đồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: 501,930,573 đồng (5.88%) chủ yếu do chi phí nhân viên và chi phí dịch vụ mua ngoài tăng.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 215,375,171,842 đồng (51.13%), lợi nhuận sau thuế giảm 180,093,714,502 đồng (51.10%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính giảm; chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

15/12  
TY  
AN  
STONE  
19

Xin chân thành cảm ơn./.

*Đang*

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phạm Trí Dũng*

